

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

---



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - HỆ CHÍNH QUY**  
**CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

**Hà Nội, năm 2019**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>1</b>
1.1. Thông tin chung về chương trình.....	1
1.2. Mục tiêu đào tạo.....	1
1.2.1. Mục tiêu chung.....	1
1.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh.....	2
1.4. Hình thức đào tạo.....	2
1.5. Điều kiện tốt nghiệp.....	2
<b>PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>3</b>
2.1. Kiến thức.....	3
2.1.1 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành.....	3
2.1.2 Kiến thức Tiếng anh và tin học:.....	3
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Thái độ.....	4
2.4 Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	5
<b>PHẦN III. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....</b>	<b>6</b>
<b>PHẦN IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>7</b>
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình.....	7
4.2. Chương trình đào tạo.....	7
4.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra .	25
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ.....	30
4.5 Mô tả nội dung và khối lượng các học phần.....	31
4.6 Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	37
4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu.....	37
4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình.....	44
4.7 Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	45

## PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG

### TRÌNH 1.1. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:

▪ Tiếng Việt: **Quản lý đất đai**

▪ Tiếng Anh: **Land Administration**

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Chuyên ngành đào tạo: Quản lý đất đai

- Mã số: 8850103

- Thời gian đào tạo: Tối thiểu 1,5 năm

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

▪ Tiếng Việt: **Thạc sĩ Quản lý đất đai**

▪ Tiếng Anh: **Master of land Administration**

### 1.2. Mục tiêu đào tạo

#### 1.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai giúp các học viên có kiến thức chuyên sâu trong tổ chức nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản lý đất đai: Chính sách đất đai; quy hoạch, quản lý Nhà nước về đất đai; quản lý và kinh doanh bất động sản; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai... Có khả năng tự chịu trách nhiệm, làm việc độc lập, sáng tạo và thích ứng với môi trường năng động của nền kinh tế thị trường và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai;

#### 1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý đất đai; có tư duy phản biện; có kiến thức tổng hợp liên quan đến lĩnh vực Quản lý đất đai; nắm vững kiến thức lý thuyết chuyên sâu về lĩnh vực Quản lý đất đai để phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;

Rèn luyện kỹ năng chuyên môn ngành và kết hợp chuyên môn ngành với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

### **1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh: Theo thông tư 15/2014/TT – BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 về Ban hành quy chế đào tạo thạc sĩ và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2399/QĐ-ĐHHN ngày 01 tháng 09 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

#### ***Nhóm 1: Nhóm ngành đúng (Không yêu cầu học bổ túc kiến thức trước khi thi tuyển đầu vào)***

Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. Cụ thể là các thí sinh có bằng kỹ sư hoặc cử nhân các ngành: Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất

#### ***Nhóm 2: Nhóm ngành gần***

Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định trong nhóm 1 ở trên) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. Bao gồm các thí sinh:

- Có văn bằng kỹ sư hoặc cử nhân các ngành: Quản lý Tài nguyên môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Địa chính, Khoa học đất, Nông hóa - Thổ nhưỡng, Đo đạc địa chính; Kỹ thuật trắc địa bản đồ;

Những thí sinh là đối tượng thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức các học phần sau và phải học bổ sung trước khi tham gia thi tuyển

### **1.4. Hình thức đào tạo:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

### **1.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

## PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Kiến thức

#### 2.1.1 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

**KT1:** Xác định phương pháp toán, mô hình tối ưu và hệ thống thông tin địa lý trong công tác quy hoạch và quản lý đất đai;

**KT2:** Phân tích các kiến thức về tài chính đất đai, hệ thống quản lý đất đai phát triển, thẩm định giá và bất động sản, Quản lý và kinh doanh bất động sản và quy hoạch đất đai để phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan.

**KT3:** Vận dụng kiến thức về chất lượng đất để bố trí phương án quy hoạch sử dụng đất, quản lý quy hoạch nông thôn, phát triển không gian và lựa chọn đầu tư cho một vùng lãnh thổ cụ thể.

**KT4:** Phân tích kiến thức về chính sách đất đai; thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất; quản lý tài nguyên đất tổng hợp để giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành quản lý đất đai;

**KT5:** Ứng dụng các công nghệ hiện đại và phần mềm tin học chuyên ngành vào xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

**KT6:** Áp dụng các kiến thức chuyên môn và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành quản lý đất đai.

**KT7:** Phân tích và đánh giá được chính xác các công việc liên quan đến thực tiễn công tác quản lý đất đai.

**KT8:** Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế, quản lý, bảo vệ môi trường và quản lý lưu vực trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.

**KT9:** Vận dụng những kiến thức về viễn thám, sử dụng đất, quy hoạch, chính sách đất đai và thị trường bất động sản vào nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

#### 2.1.2 Kiến thức Tiếng anh và tin học:

**KT10:** Kiến thức Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B2	5.5	600	500	173	61	60 – 79 FCE 80 – 100 PET	4

## 2.2. Kỹ năng

**KN1:** Giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong công tác quản lý, sử dụng đất đai đối với một vùng lãnh thổ cụ thể.

**KN2:** Đánh giá thực trạng và những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, sử dụng đất đai và thị trường bất động sản.

**KN3:** Độc lập nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để cải tiến chính sách và công nghệ trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**KN4:** Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng; Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành và công nghệ viễn thám trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên đất và môi trường

## 2.3. Thái độ

**TD1:** Phát hiện và đề xuất những sáng kiến để giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành quản lý đất đai.

**TD2:** Tổng hợp và đưa ra những kết luận chuyên môn trên cơ sở các lý luận khoa học về các vấn đề phức tạp của lĩnh vực quản lý đất đai

**TD3:** Có khả năng đưa ra những kết luận chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai, đồng thời có những lý luận phù hợp để bảo vệ được những kết luận đã đưa ra.

**TD4:** Xây dựng và thẩm định các báo cáo khoa học và dự án nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.

**TD5:** Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất;

**TD6:** Điều hành, quản lý nhóm để xử lý các vấn đề lớn của ngành quản lý đất đai như:

lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng; xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai; tài chính đất đai; thu hồi đất; ...

**TD7:** Định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất.

**TD8:** Điều hành, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn của ngành quản lý đất đai.

## **2.4 Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

- Cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về quản lý đất đai tại các cơ quan Trung ương (Cục, Vụ, Thanh tra, văn phòng . v..v).

- Chuyên viên làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; cán bộ tài nguyên môi trường cấp xã. Các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan Nhà nước về lĩnh vực đất đai;

- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai;

- Giảng viên trong các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai.

- Cán bộ bộ phận hành chính 1 cửa xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh, huyện, xã);

- Kỹ thuật viên làm việc tại các công ty, các tổ chức tư vấn hoạt động trong các lĩnh vực Quản lý đất đai gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; đánh giá đất; định giá đất; phân tích và kiểm soát số lượng và chất lượng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường; đo đạc lập bản đồ các loại; các công ty môi giới kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng, giao thông, thủy lợi; các tổ chức tài chính tín dụng...

**PHẦN III. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ  
CHUẨN ĐẦU RA**

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO			
		MT1	MT2	MT3	MT4
Kiến thức	KT1			x	
	KT2	x	x		x
	KT3	x	x		
	KT4	x	x		
	KT5	x		x	x
	KT6	x		x	
	KT7		x		x
	KT8	x	x	x	
	KT9	x	x	x	
	KT10			x	
Kỹ năng	KN1	x			x
	KN2	x	x		x
	KN3	x		x	x
	KN4	x	x	x	
Thái độ	TĐ1				x
	TĐ2	x	x		x
	TĐ3	x	x		
	TĐ4		x	x	
	TĐ5	x			
	TĐ6	x			x
	TĐ7				x
	TĐ8			x	x



## PHẦN IV. NỘI DUNG CHƯƠNG

### TRÌNH 4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

<b>Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy</b>	<b>60</b>	<b>Tỉ trọng (%)</b>
Trong đó:		
- <b>Khối kiến thức chung</b>	<b>6</b>	<b>10,0</b>
- <b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>42</b>	<b>70,0</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	24	(40,0)
+ <i>Tự chọn:</i>	18	(30,0)
- <b>Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>12</b>	<b>20,0</b>

### 4.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>							
1	NNTA3102	Tiếng Anh	3	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh cơ bản dành cho người học có trình độ tiếng Anh cấp độ B1; vốn từ vựng cơ bản để nói về các chủ điểm quen thuộc về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ	16	29	90	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp.				
2	LTML3101	Triết học	3	Sau khi kết thúc học phần học viên trình bày khái luận về triết học, lịch sử triết học phương Đông gồm Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại, triết học phương Tây từ thời cổ đại đến hiện đại và tư tưởng triết học Việt Nam trong Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng như sự vận động của triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học,	31	14	90	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội.				
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>							
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>							
3	QĐQN3501	Phân tích chính sách đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: Cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách đất đai; Khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; Kinh nghiệm học tập về chính sách đất đai của một số nước và khu vực trên thế giới; một số chính sách đất đai cụ thể ở nước ta.	30	15	90	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
4	NNTA3104	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các hiện tượng ngữ pháp thường được sử dụng trong tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành như câu chủ động, bị động, câu điều kiện, câu có mệnh đề quan hệ, câu so sánh..... Những từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành Quản lý đất đai với lượng từ chuyên ngành khoảng 200 từ.	10	20	60	
5	QĐKĐ3522	Đánh giá đất nâng cao	3	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên những phương pháp, quy trình, kỹ thuật điều tra đánh giá đất đai theo Thông tư 35/2014/TT-BTNMT về điều tra, đánh giá đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Học phần đánh giá đất nâng cao gồm 4 chương. Chương 1	30	15	90	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				trình bày những vấn đề cơ bản về điều tra, đánh giá đất đai cũng như ứng dụng kỹ thuật GIS trong điều tra, đánh giá đất đai. Chương 2 trình bày quy trình, kỹ thuật phân hạng đất đai theo phương pháp của FAO. Chương 3 trình bày quy trình, kỹ thuật điều tra đánh giá chất lượng đất. Chương 4 trình bày quy trình, kỹ thuật điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.				
6	QĐKĐ3503	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	3	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên một số kiến thức về: Một số vấn đề chung về quy hoạch sử dụng đất bền vững; Lồng ghép bảo vệ tài nguyên đất trong xây dựng phương án quy hoạch	35	10	90	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				sử dụng đất ở Việt Nam; Ứng dụng toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất bền vững.				
7	QĐĐC3523	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên được trang bị kiến thức tổng quan về cơ sở dữ liệu. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Quản lý, khai thác sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai.	23	7	60	
8	QĐQN3524	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên trình bày được : Khái niệm và nguyên tắc giao dịch điện tử; các thủ tục hành chính trong đăng ký đất đai được giao dịch điện tử. Một số mô hình đăng ký đất đai hiện đại; Mô hình đăng ký đất đai qua WEB; Mô hình tin học hóa đất đai;	23	7	60	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				Mô hình đăng ký đất đai VietLIS				
9	QĐQN3525	Thẩm định giá đất và Bất động sản	3	Sau khi kết thúc học phần học viên được trang bị các kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản, cơ sở giá trị và những nguyên tắc của thẩm định giá bất động sản. Môn học đi sâu vào phân tích các vấn đề liên quan đến thu thập và phân tích thông tin thẩm định giá bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản trong việc lập và quản lý một dự án đầu tư bất động sản, tập trung phân tích các chỉ số tài chính trong đầu tư bất động sản.	30	15	90	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
10	QĐQN3526	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên một số kiến thức chung về thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính và Giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai	23	7	60	
11	QĐQN3527	Chính sách thu hồi đất	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch thu hồi đất, lập hồ sơ thu hồi đất cũng như kỹ năng vận động thuyết phục người dân chấp hành Luật đất đai khi nhà nước thu hồi đất. Các nội dung giảng dạy tập trung vào các nhóm vấn đề sau:	22.5	5.5	60	



TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				Tổng quan về môn học; Thu hồi đất, trưng dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Trình tự, thủ tục thu hồi đất; Một số quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, Hồ sơ thu hồi đất.				
12	QĐQN 3528	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên tổng quan về thị trường bất động sản; quan hệ cung - cầu và giá cả bất động sản; đầu tư bất động sản; quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản.	23	7	60	
<b>II.2</b>	<b>Các học phân tự chọn (18/32 tín chỉ)</b>							
13	QĐKĐ3609	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất*	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: Một số vấn đề	22	8	60	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				chung về tài nguyên đất; bảo vệ và quản lý đất đai; hướng dẫn về hoạt động phục hồi đất.				
14	QĐKĐ3610	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức về lý thuyết sinh thái cảnh quan nâng cao và những ứng dụng trong công tác quy hoạch sử dụng đất. Các nội dung cụ thể tập trung vào 10 nhóm chủ đề sau: (1) lược sử sinh thái cảnh quan và các quan niệm; (2) mô hình sinh thái học về các yếu tố cảnh quan; (3) metric cảnh quan; (4) quy hoạch sử dụng đất đa chức năng; (5) quy hoạch sử dụng đất cho phục hồi cảnh quan; (6) quy hoạch sử dụng đất dựa trên dấu chân	21	9	60	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				sinh thái; (7) quy hoạch sử dụng đất khu nông thôn và đô thị; (8) quy hoạch không gian xanh đô thị; (9) quy hoạch hành lang đa dạng sinh học; (10) quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn tự nhiên.				
15	QĐKĐ 3629	Quy hoạch vùng lãnh thổ*	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: Những vấn đề cơ bản liên quan đến quy hoạch vùng; Cơ sở khoa học của quy hoạch vùng lãnh thổ; Nghiên cứu một số hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam; Trình tự, nội dung quy hoạch vùng lãnh thổ	22	8	60	
16	QĐKĐ3612	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	3	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức hiện đại và	35	10	90	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				<p>phương pháp tiên tiến được sử dụng trong công tác lập quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội mới trong bối cảnh phát triển bền vững quốc gia và biến đổi khí hậu toàn cầu. Các nội dung giảng dạy được thiết kế tập trung vào các nhóm vấn đề sau: Nội dung, nguyên tắc và quy trình quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá phục vụ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Phân vùng nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và lồng ghép các tiêu chí phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng</p>				

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Giải pháp, quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và xây dựng bộ tiêu chí về chất lượng đất đai phục vụ quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.				
17	QĐKĐ3630	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp*	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Nội dung môn học gồm: Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; Công cụ chính sách quản lý tài nguyên đất tổng hợp; Công cụ quy hoạch sử dụng tài nguyên đất tổng hợp; Công cụ kinh tế trong quản	20	10	60	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
				lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp.				
18	QĐĐC3631	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai*	2	Sau khi kết thúc học phân, học viên hiểu được những nguyên lý cơ bản về viễn thám như cơ sở vật lý viễn thám, hệ thống vệ tinh, các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám. Sau đó, chuyên đề ứng dụng viễn thám trong theo dõi biến động đất đai và chuyên đề ứng dụng viễn thám trong điều tra đất cơ bản được trình bày khái lược. Trình bày những nguyên lý cơ bản về GIS. Sau đó, nội dung tiếp theo là chuyên đề về ứng dụng GIS trong phân tích không gian nâng cao như nội suy dữ liệu và phân tích đa nhân tố. Phần thực	22.5	7.5	60	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				hành giúp học viên thực hiện một số ứng dụng chính của GIS và viễn thám trong ngành quản lý đất đai.				
19	QĐĐC3615	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được tổng quan về công nghệ thành lập bản đồ. Một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ. Hiệu quả và khả năng khai thác dữ liệu của công nghệ bản đồ hiện đại trong quản lý đất đai	30	15	90	
20	QĐKĐ3617	Sử dụng đất và kinh tế đất nâng cao*	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được Tổng quan về đất đai và sử dụng đất đai. Tổng quan về kinh tế đất, địa tô. Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế sử dụng đất. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất	20	10	60	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				sản xuất nông nghiệp.				
21	QĐQN3618	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được tổng quan về hệ thống GNSS. Khả năng ứng dụng GNSS. Hiệu quả ứng dụng GNSS trong quản lý đất đai.	24	6	60	
22	QĐĐC3504	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức về chung về quản lý tài nguyên và môi trường; các xu thế sử dụng tài nguyên và môi trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các nội dung cũng như công cụ quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.	20	10	60	
23	QĐKĐ 3632	Đô thị hóa và quản lý	2	Sau khi kết thúc học phần, cung cấp cho học viên khái quát	22	8	60	



TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
		sử dụng đất đô thị*		chung về đô thị và đô thị hóa; quản lý nhà nước về đô thị và quản lý sử dụng đất đô thị.				
24	QĐQN3633	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao*	2	Sau khi kết thúc học phần cung cấp học viên tổng quan về ngân sách Nhà nước; Luật ngân sách Nhà nước trong nền tài chính công hiện nay; tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước và những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế; Tài chính về đất đai và pháp luật thuế đối với đất đai; Một số khoản thu khác liên quan đến đất đai.	22	8	60	
25	QĐQN3619	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai*	2	Sau khi kết thúc học phần học viên hiểu và phân tích được một số vấn đề liên quan đến quản lý hành chính về đất đai. Học viên viết được báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn về quản lý hành chính về đất đai	0	30	60	

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
26	QĐQN3620	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	2	Sau khi kết thúc học phần học viên tích lũy được kiến thức về thực trạng, bối cảnh phát triển ngành quản lý đất đai; định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành Quản lý đất đai; Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại và giải pháp thực hiện.	0	30	60	
27	QĐQN3621	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới*	2	Sau khi kết thúc học phần học viên hiểu được các vấn đề chung liên quan tới quản lý đất đai ở các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn và kinh nghiệm về quản lý đất đai của các nước trên thế giới	0	30	60	
28	QĐQN3834	Luận văn	12	Học viên biết cách áp dụng lý thuyết đã học vào nghiên cứu một đề tài khoa học				

TT	Mã số học phân	Tên học phân	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phân (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
				cụ thể. Ngoài ra, luận văn để đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập của học viên; chứng tỏ học viên đã nắm vững kiến thức đã học, các phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành về vấn đề nghiên cứu.				
	<b>Tổng số</b>		<b>60</b>					

*Ghi chú: (\*) Các học phân tự chọn được chọn*

#### **4.7 Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷90 giờ thực tập tại cơ sở, 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của học viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng học viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và học viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).